

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/DS-ST

Ngày: 11-5-2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Văn Lô.

2/ Bà Võ Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Mãi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 11 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2018/TLST-DS, ngày 13 tháng 3 năm 2018, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-DS, ngày 06/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐST-DS, ngày 26/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Bà Nguyễn Thị N**, sinh năm 1947. (Có mặt).

Địa chỉ: Số x, ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh L.

2. *Bị đơn:* **Ông Phan Văn B**, sinh năm 1972. (Vắng mặt).

Bà Phạm Thị Ngọc L, sinh năm 1972. (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Số x, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N như sau:* Do có quen biết nên ngày 02/10/2017 bà có cho ông

Phan Văn B và bà Phạm Thị Ngọc L vay số tiền 300.000.000đ, lãi suất 6%/tháng, thời gian hoàn trả là ngày 03/10/2017 và có làm biên nhận do bà Phạm Thị Ngọc L ký tên. Từ khi vay cho đến nay thì ông B, bà L có trả cho bà được số tiền vốn gốc 48.000.000đ vào các ngày 27/11/2017 trả 10.000.000đ, ngày 16/12/2017 trả 5.000.000đ, ngày 16/01/2018 trả 5.000.000đ, ngày 13/02/2018 trả 3.000.000đ, không có trả lãi. Nay bà yêu cầu ông B và bà L trả số tiền còn nợ là 252.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

2/ Tại biên bản hòa giải ngày 30/3/2018 và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị Ngọc L trình bày: Bà là vợ của ông Phan Văn B. Ngày 02/10/2017 bà và ông Phan Văn B có vay của bà Nguyễn Thị N số tiền 300.000.000đ để đáo hạn ngân hàng. Sau khi vay bà và ông B có trả cho bà N số nợ gốc là 48.000.000đ, không có trả lãi như lời trình bày của bà N. Hiện nay, bà và ông B còn nợ của bà N số tiền 252.000.00đ. Bà đồng ý trả cho bà N số tiền còn nợ nhưng xin hết số nợ vào ngày 31/7/2018.

3/ Bị đơn ông Phan Văn B vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa:

Các đương sự trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm và vẫn giữ ý kiến, yêu cầu như tóm tắt nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc L và ông Phan Văn B hoàn trả số tiền vay còn nợ làm phát sinh quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Phan Văn B đã được Tòa án tiến hành, tổng đạt niêm yết các thủ tục thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa bà Phạm Thị Ngọc L thừa nhận bà và ông Phan Văn B có vay của bà Nguyễn Thị N số tiền 300.000.000đ và đã trả nợ gốc 48.000.000đ, hiện còn nợ 252.000.000đ. Bà Nguyễn Thị N thừa nhận ông B và bà L đã trả được 48.000.000đ tiền vốn vay. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo

quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do đó, có căn cứ xác định hiện ông B và bà L còn nợ bà N số tiền vốn vay là 252.000.000đ. Nay bà N yêu cầu ông B và bà L trả 252.000.000đ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa, bà L đồng ý trả số tiền 252.000.000đ cho bà N và xin trả hết số nợ này vào ngày 31/7/2018. Bà N xác định yêu cầu bà L và ông B phải có trách nhiệm trả nợ và đồng ý với phương pháp trả của bà L. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc bà L, ông B trả cho bà N số tiền 252.000.000đ vào ngày 31/7/2018.

[5] Về tiền lãi: Bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Phạm Thị Ngọc L, ông Phan Văn B phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho bà Nguyễn Thị N là 252.000.000đ x 5%.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 227, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, 466, 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc bà Phạm Thị Ngọc L và ông Phan Văn B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền vay còn nợ là 252.000.000đ (Hai trăm, năm mươi hai triệu đồng) vào ngày 31/7/2018. Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị N, nếu chậm thi hành, bà Phạm Thị Ngọc L và ông Phan Văn B phải trả thêm tiền lãi cho bà Nguyễn Thị N theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị Ngọc L và ông Phan Văn B phải liên đới chịu 12.600.000đ (Mười hai triệu, sáu trăm nghìn đồng) sung vào công quỹ nhà nước.

- Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí 6.300.000đ (Sáu triệu, ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo

biên lai số 0006289, ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- THA DS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thoa